

Số: 1664693

|                                            | Kia Carens 1.5G Luxury (mới) | Kia New Seltos 1.5 Turbo GT-Line |
|--------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>669.000.000đ</b>          | <b>764.000.000đ</b>              |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                              |                                  |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4540 x 1800 x 1750           | 4365 x 1800 x 1645               |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2780                         | 2610                             |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5310                         | 5300                             |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 190                          | 190                              |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1297                         | 1310                             |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1920                         | 1760                             |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 216                          | 433                              |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 45                           | 50                               |
| Số chỗ ngồi                                | 7                            | 5                                |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước             | SX-LR trong nước                 |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                              |                                  |
| Loại động cơ                               | SmartStream 1.5G             | Smartstream 1.5 Turbo            |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1,497                        | 1497                             |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 113 / 6,300                  | 158Hp/ 5.500 rpm                 |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 144 / 4,500                  | 253 Nm/ 1.500 - 3.500 rpm        |
| Hộp số                                     | IVT                          | 7DCT                             |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)              | Cầu trước (FWD)                  |
| Hệ thống treo trước                        | McPherson                    | McPherson                        |
| Hệ thống treo sau                          | Thanh xoắn                   | Thanh cân bằng                   |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                          | Đĩa                              |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                          | Đĩa                              |
| Thông số lốp xe                            | 215/55 R17                   | 215/60 R17                       |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 8.4                          | n/a                              |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.9                          | n/a                              |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6.8                          | n/a                              |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                              |                                  |
| Cụm đèn trước                              | LED                          | LED                              |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                            | ●                                |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                            | ●                                |
| Cụm đèn sau                                | LED                          | LED                              |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                            | ●                                |
| Gạt mưa tự động                            | ●                            | ●                                |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                              |                                  |
| Vô lăng bọc da                             | ●                            | ●                                |
| Chất liệu ghế                              | Da                           | Da                               |
| Ghế người lái chỉnh cơ                     | ●                            | -                                |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                            | -                                |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                            | ●                                |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | 4.2" TFT + SEG LCD           | 4.2"                             |
| Màn hình giải trí trung tâm                | AVN 8"                       | 10.25"                           |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto         | ●                            | ●                                |
| Hệ thống điều hòa tự động                  | ●                            | ●                                |
| Số vùng khí hậu điều hòa                   | 1                            | Tự động 2 vùng                   |

|                                         |                             |               |
|-----------------------------------------|-----------------------------|---------------|
| Cửa gió cho hàng ghế sau                | ●                           | ●             |
| Chìa khóa thông minh                    | ●                           | ●             |
| Khởi động nút bấm                       | ●                           | ●             |
| Khởi động từ xa                         | ●                           | ●             |
| Hệ thống âm thanh                       | 6 loa                       | 6 loa         |
| Đèn trang trí nội thất                  | ●                           | ●             |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX              | ●                           | ●             |
| <b>AN TOÀN:</b>                         |                             |               |
| Số túi khí                              | 2                           | 6             |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ●                           | ●             |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ●                           | ●             |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ●                           | ●             |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ●                           | ●             |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa         | ●                           | ●             |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                   | Sau                         | ●             |
| Hệ thống điều khiển hành trình          | ● (cài đặt giới hạn tốc độ) | Thích ứng SCC |
| Camera lùi                              | ●                           | ●             |